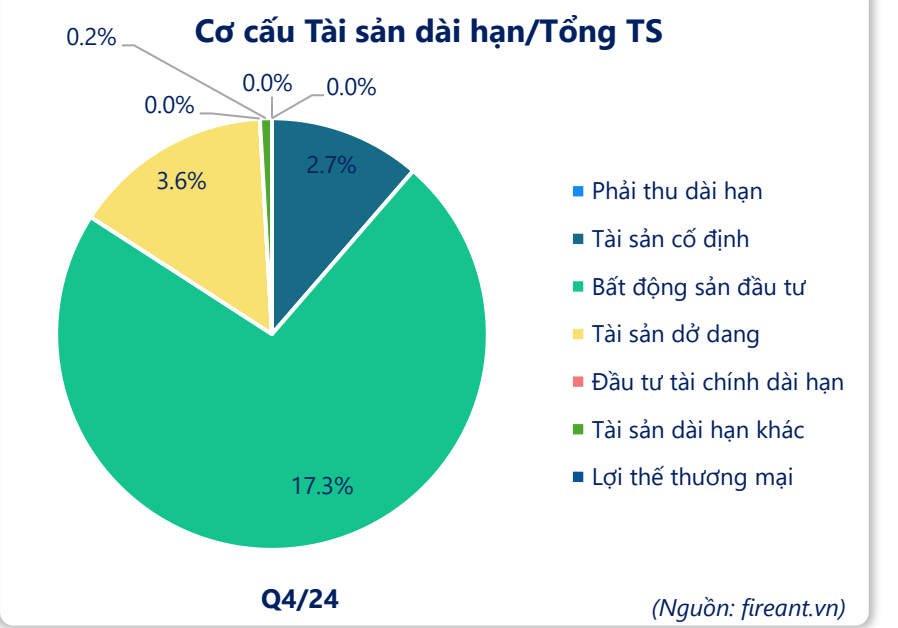
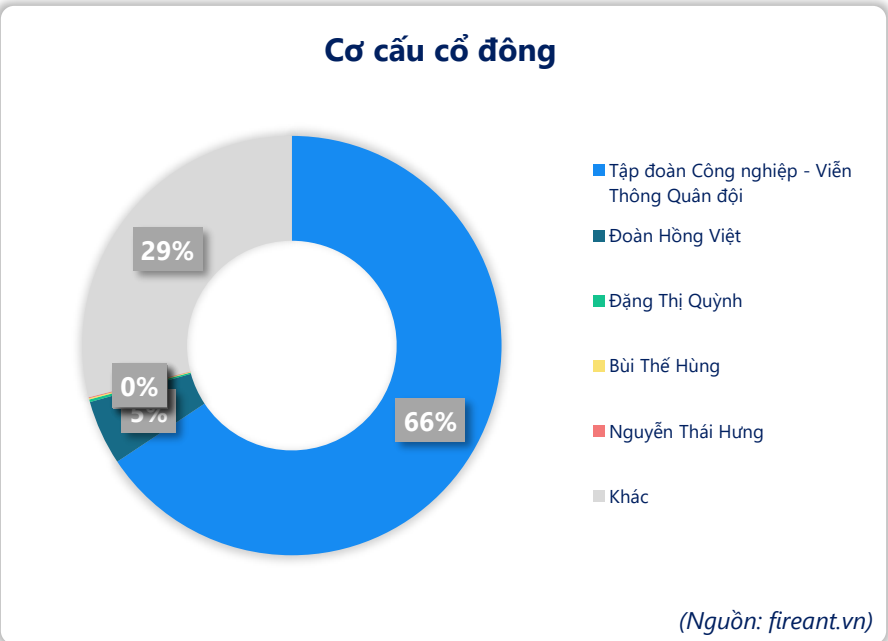
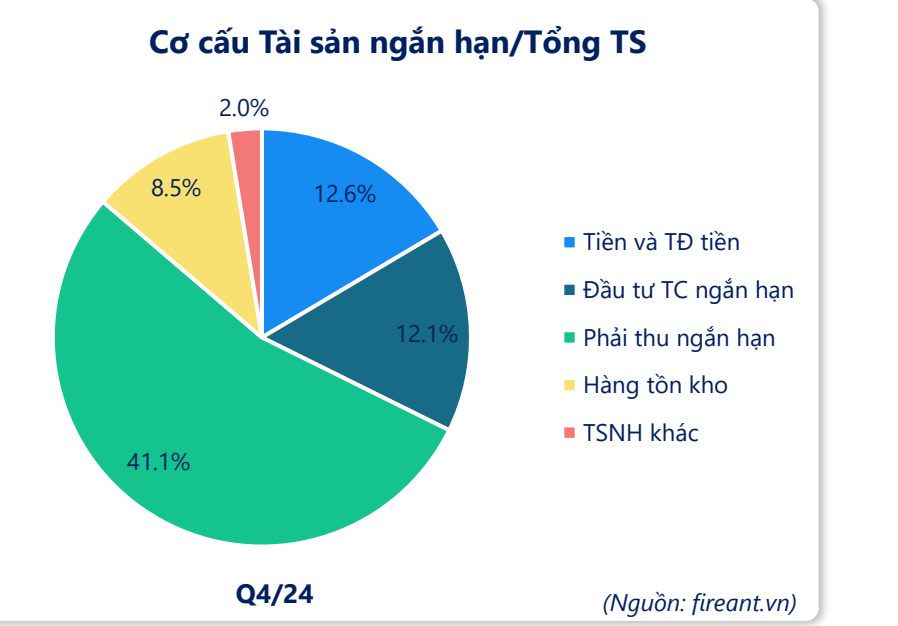
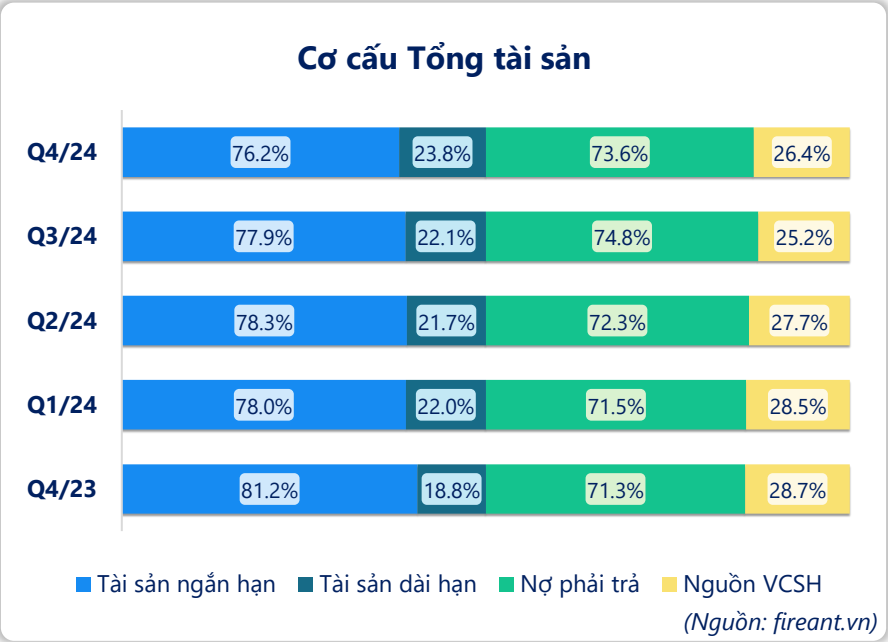
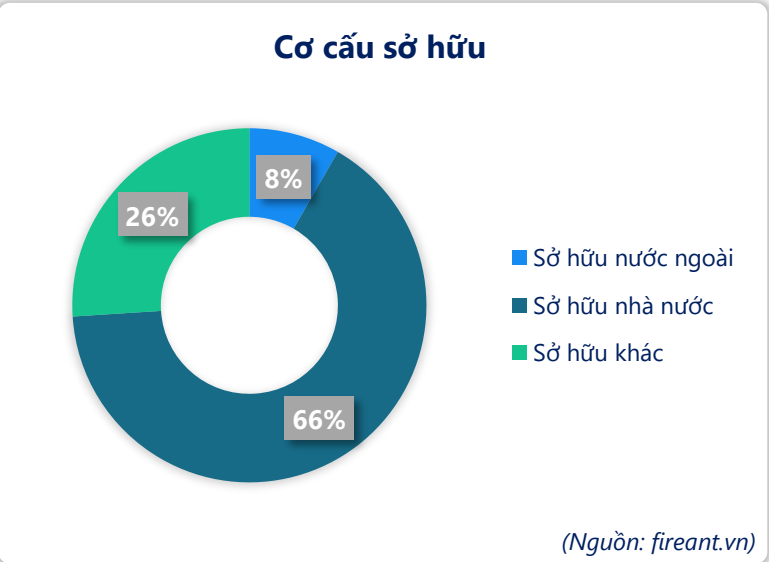
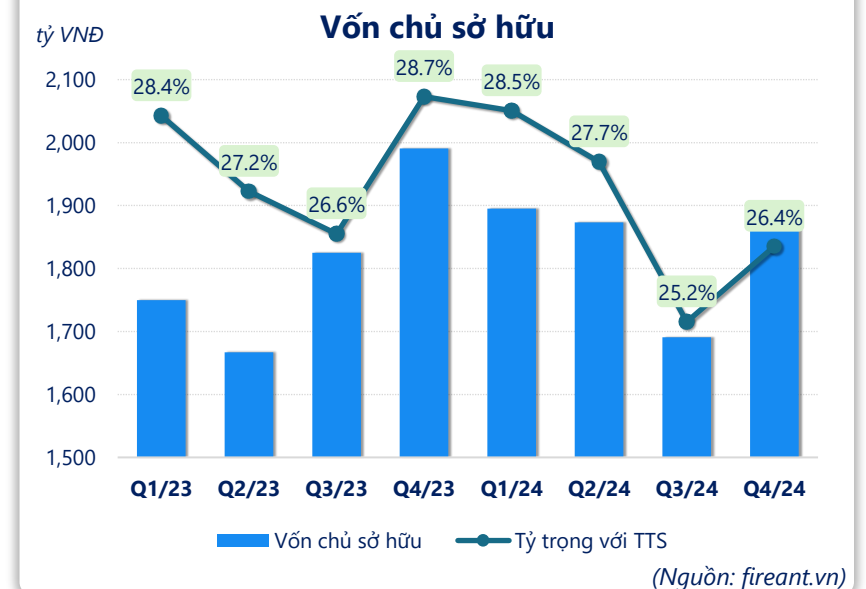
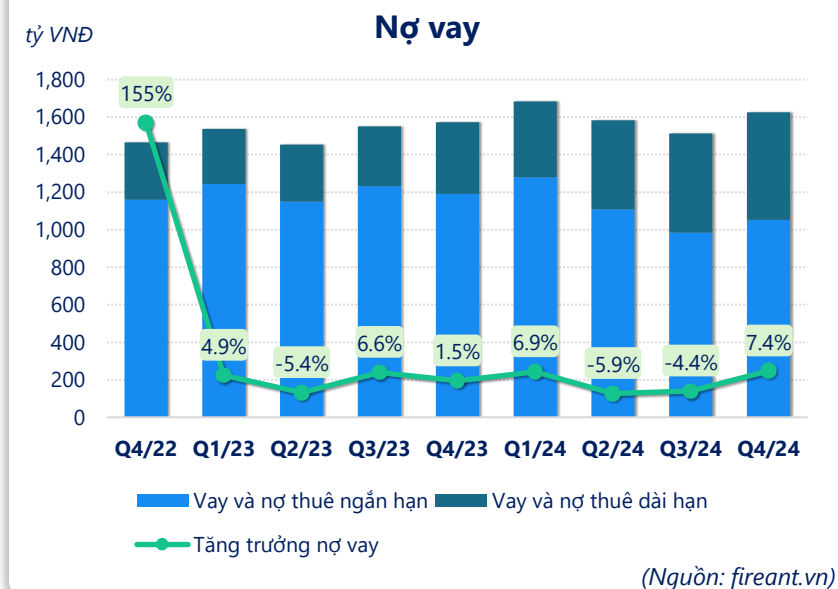
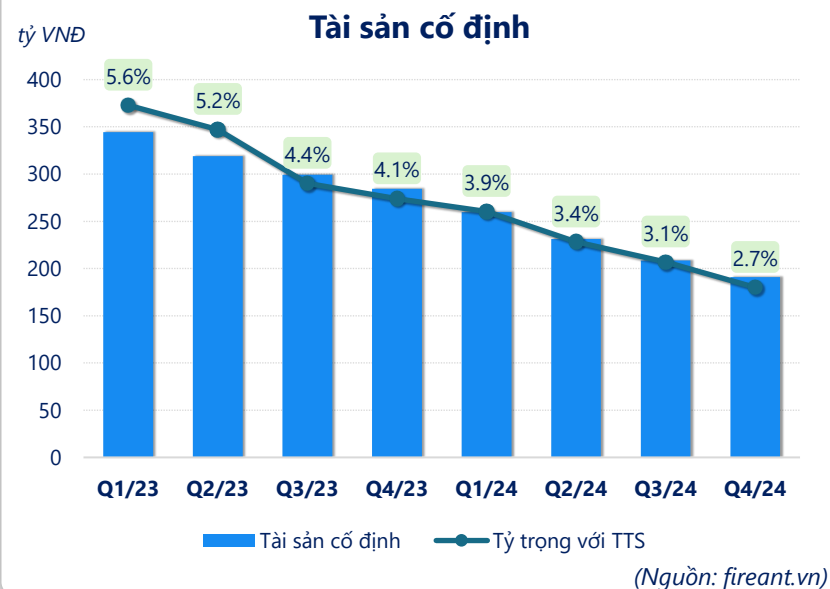
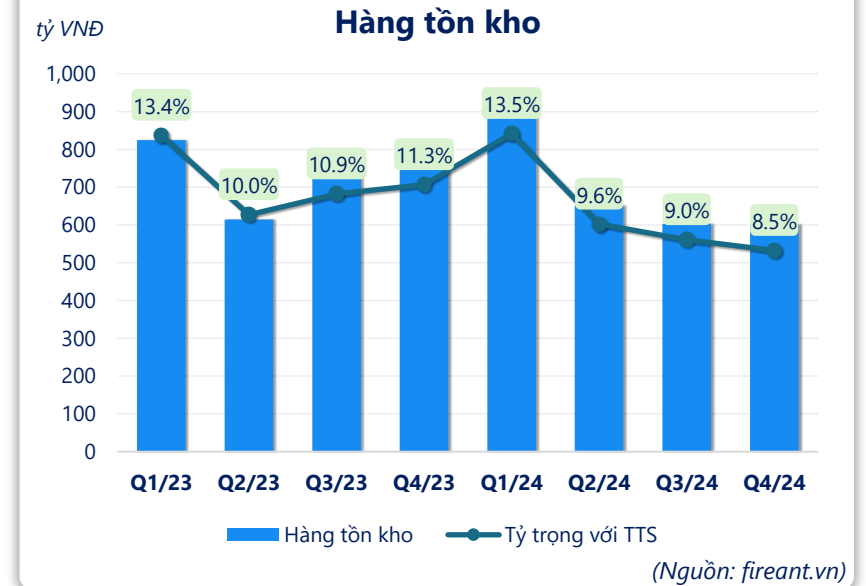
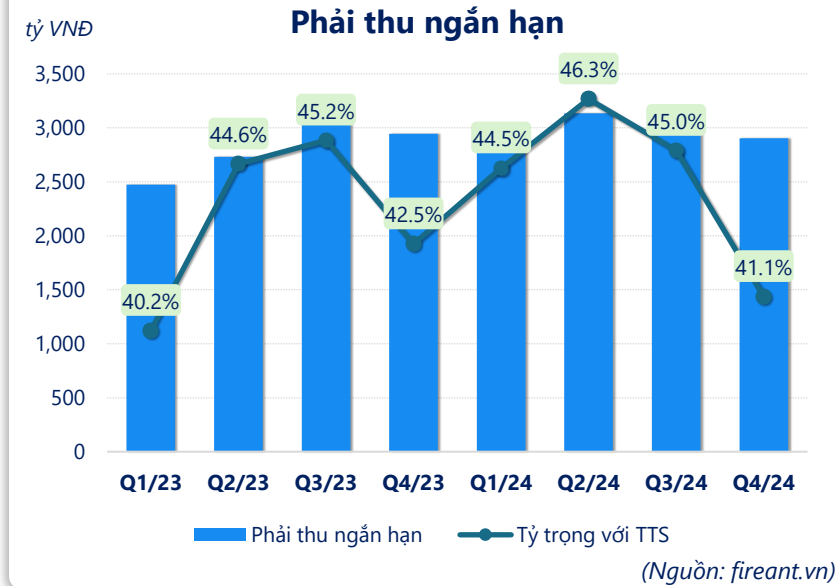
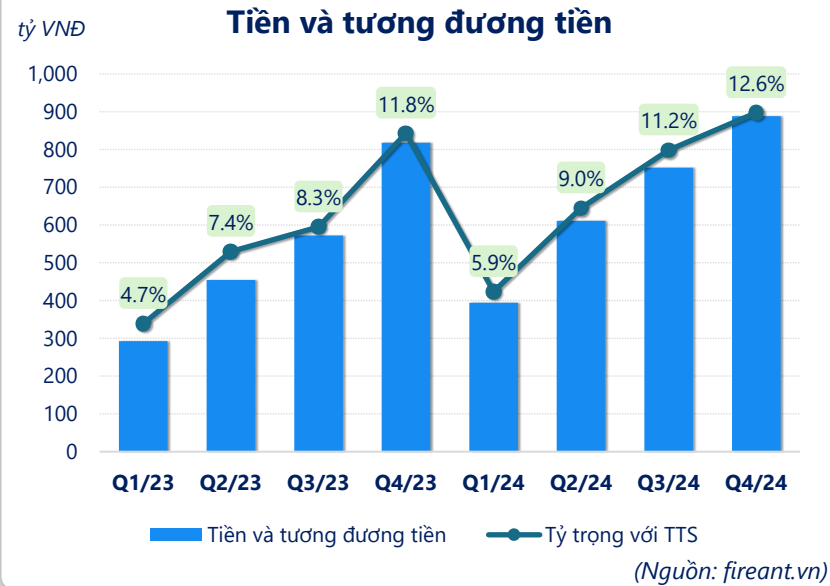
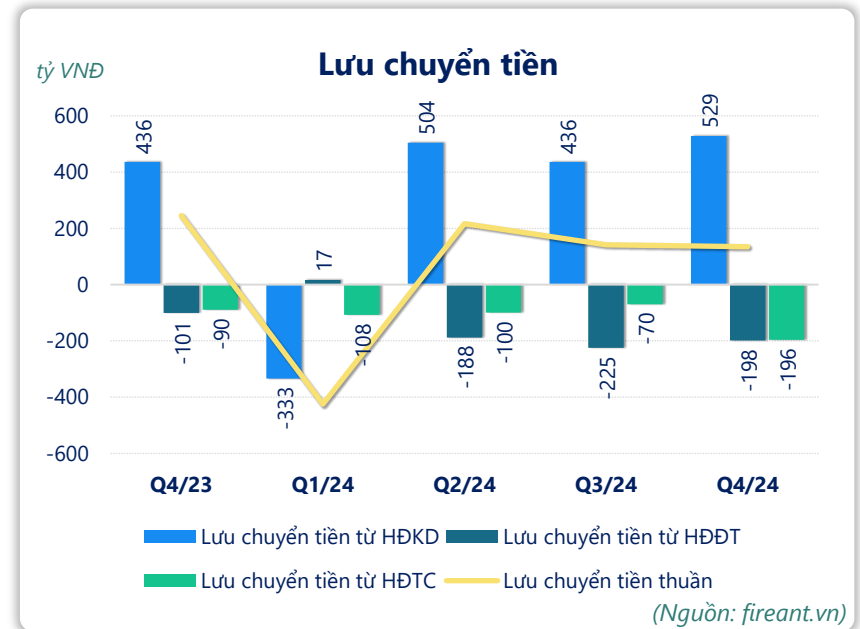
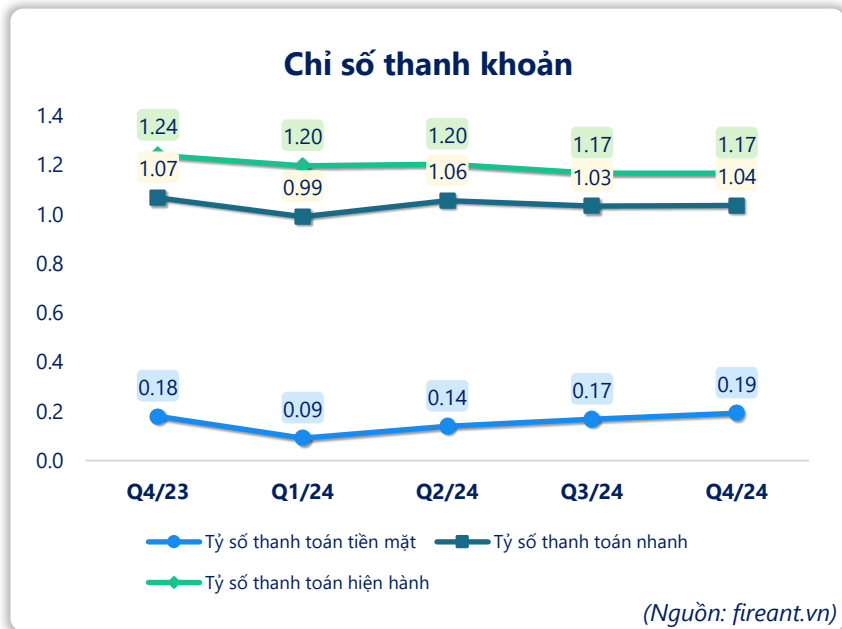
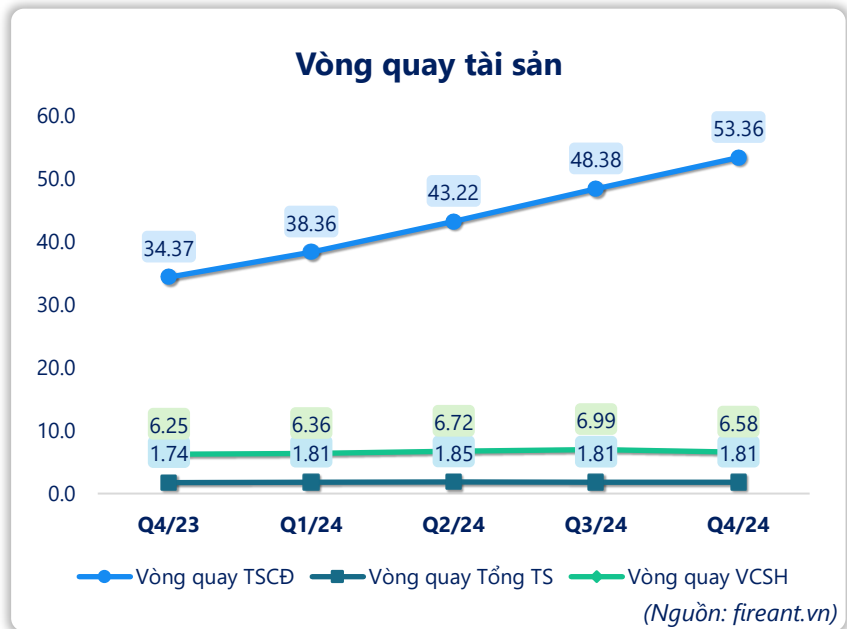
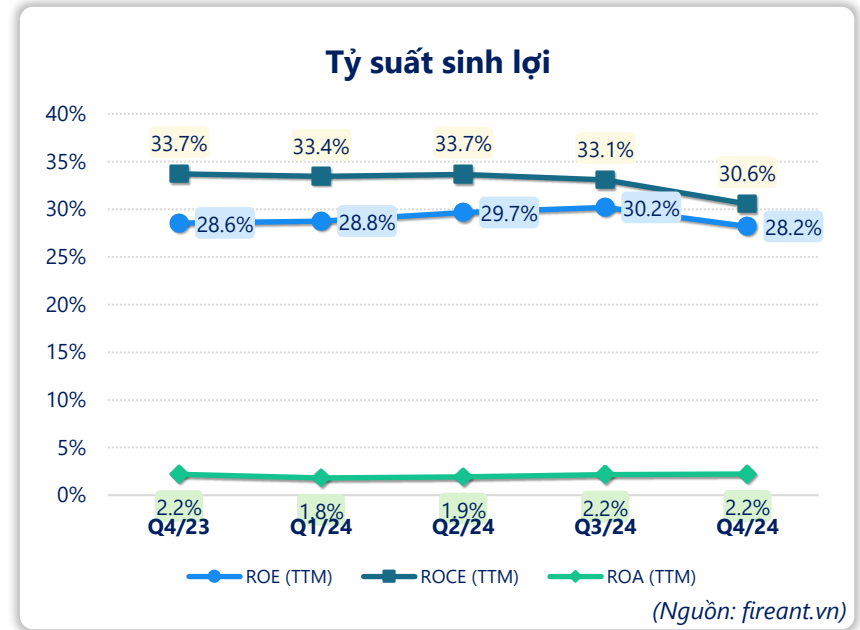
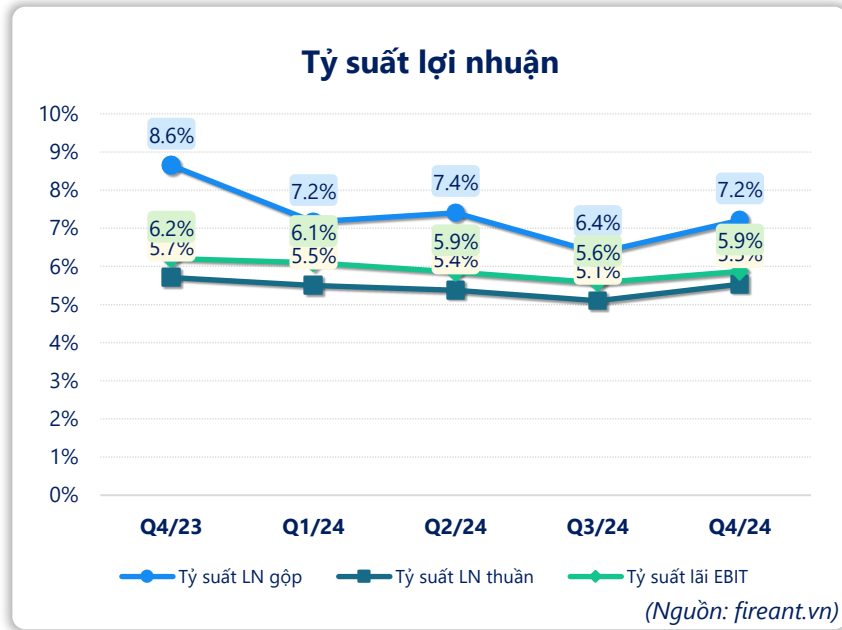
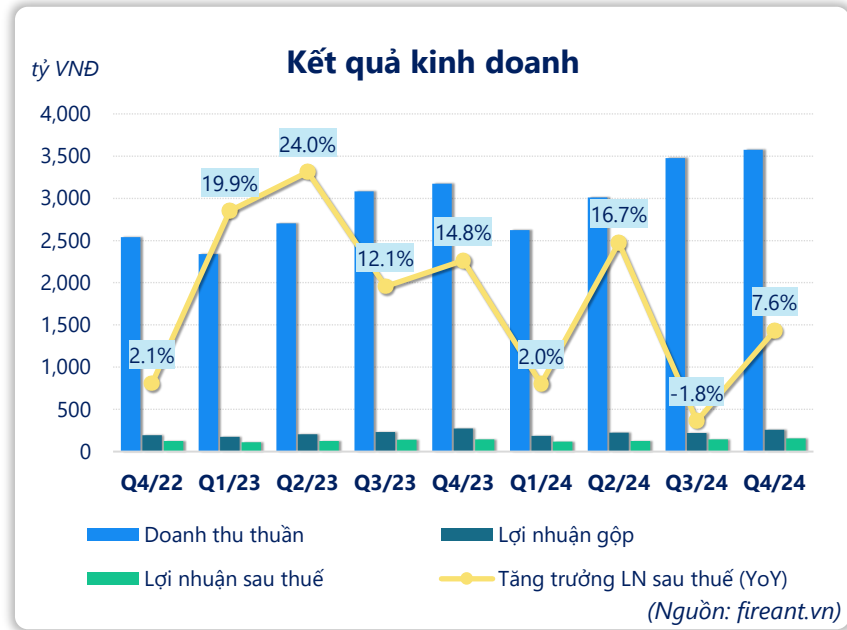


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		124,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		156,881
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		85,783
SL cổ phiếu LH		114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)		808,000
% sở hữu nước ngoài		8.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		14,241
P/E		26.2
EPS		4,749

	YTD	1T	3T	6T
CTR		-1.3%	-2.7%	-13.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	7,067	6,916	2.2%
Tài sản ngắn hạn	5,387	5,614	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	888	819	8.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	854	1,000	-14.7%
Phải thu ngắn hạn	2,905	2,924	-0.7%
Hàng tồn kho	602	790	-23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	139	81.1	71.1%
Tài sản dài hạn	1,680	1,302	29.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	191	285	-33.0%
Bất động sản đầu tư	1,223	829	47.4%
Tài sản dở dang	252	153	65.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	15.1	35.7	-57.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,205	4,928	5.6%
Nợ ngắn hạn	4,617	4,535	1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,052	1,196	-12.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	610	581	5.0%
Nợ dài hạn	588	392	49.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	573	378	51.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,862	1,988	-6.3%
Vốn chủ sở hữu	1,862	1,988	-6.3%
Vốn điều lệ	1,144	1,144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	3,175	2,623	3,009	3,476	3,574
Giá vốn hàng bán	2,900	2,435	2,786	3,255	3,316
Lợi nhuận gộp	274	188	223	221	258
Doanh thu HĐTC	30.2	11.7	11.6	12.3	13.0
Chi phí TC	26.5	15.6	42.9	15.7	15.9
Chi phí lãi vay	18.3	15.5	14.6	15.6	15.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	97.0	39.8	29.9	40.3	56.9
LN thuần từ HĐKD	181	144	162	177	198
Lợi nhuận khác	-2.40	0.05	-0.16	0.79	-3.20
LN trước thuế	179	144	161	178	195
Lợi nhuận sau thuế	143	116	125	146	156
LNST của CĐ cty mẹ	143	116	125	146	156

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	436	-333	504	436	529
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-101	16.8	-188	-225	-198
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-89.6	-108	-99.8	-70.4	-196
Tiền đầu kỳ	572	819	394	611	751
Lưu chuyển tiền thuần	245	-424	217	141	134
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.06	0.21	-0.76	2.12
Tiền cuối kỳ	818	394	611	751	888

(Nguồn: fireant.vn)